

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/KDTM-ST

Ngày 06/9/2024

V/v "Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán
hợp đồng cho thuê cừ Larsen và thi công đóng nhô"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Ly;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Đình Dũng;
- Bà Nguyễn Thị Thanh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hạ Quyên, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy D- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2022/TLST-KDTM ngày 21/11/2022 về "Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng kinh tế", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 283/2024/QĐXXST-KDTM ngày 15/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 189/2024/QĐST-KDTM ngày 31/7/2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 59/2024/QĐST-KDTM ngày 16/8/2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Công ty TNHH Đ (sau đây gọi là Công ty Đ), địa chỉ trụ sở: Đường B, thôn M, thị trấn A, huyện A, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ Văn Q, Chức vụ: Giám đốc, địa chỉ: Thôn M, thị trấn A, huyện A, tỉnh Hưng Yên là người đại diện theo pháp luật; ông Phạm Đình V, sinh năm 1985; địa chỉ: A CT A K, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội (Theo Hợp đồng ủy quyền số 2208/HĐUQ ngày 22/8/2022 và Hợp đồng ủy quyền số 228/HĐUQ ngày 22/7/2024), ông V có mặt.

*** Bị đơn:** Công ty TNHH T3 (sau đây gọi là Công ty T3), địa chỉ: Số B đường H, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Đức T, Chức vụ: Giám đốc, địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi là người đại diện theo pháp luật, ông T vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Bùi Quốc B sinh năm 1984, địa chỉ: Thôn C, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

2. Bà Lê Thị Kim T1 sinh năm 1979, địa chỉ: Hẻm A đường N, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/8/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Công ty Đ và Công ty TNHH T4 (nay là Công ty T3) ký hợp đồng kinh tế số 31072020/HĐCT/PQ ngày 31/7/2020 và hợp đồng kinh tế số 01122020/HĐCT/PQ-BL ngày 01/12/2020 cho thuê cù Larsen+ thi công đóng nhỏ hạng mục Cầu Đ, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, địa điểm B, Quảng Ngãi. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T3 còn nợ chưa thanh toán Công ty Đ số tiền 695.028.495 đồng, trong đó dư nợ đối với hợp đồng kinh tế số 31072020/HĐCT/PQ ngày 31/7/2020 là 499.788.008 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 25/3/2021 đến ngày 10/8/2022 là 61.617.700 đồng, dư nợ đối với hợp đồng kinh tế số 01122020/HĐCT/PQ-BL ngày 01/12/2020 là 120.948.090 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 10/6/2021 đến ngày 10/8/2022 là 12.674.697. Vì vậy, Công ty Đ yêu cầu Tòa án buộc Công ty T3 phải trả cho Công ty Đ tổng số tiền 695.028.495 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện buộc Công ty T3 phải thanh toán tiền nợ chưa thanh toán đối với hợp đồng kinh tế số 31072020/HĐCT/PQ ngày 31/7/2020 và toàn bộ tiền lãi, giữ yêu cầu khởi kiện buộc Công ty T3 phải trả số tiền 120.948.090 đồng đối với hợp đồng kinh tế số 01122020/HĐCT/PQ-BL ngày 01/12/2020, ngoài ra nguyên đơn không yêu cầu giải quyết gì thêm.

** Tại Bản tự khai ngày 17/10/2023, người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Lê Đức T2 trình bày:* Công ty T3 và Công ty Đ có ký kết hợp đồng kinh tế ngày 01/12/2020, tổng giá trị của hợp đồng là 220.948.090 đồng, Công ty T3 đã thanh toán 100.000.000 đồng, còn nợ 120.948.090 đồng, Công ty T3 thừa nhận và đồng ý trả nợ cho Công ty Đ 120.948.090 đồng. Đối với yêu cầu của Công ty Đ về số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng kinh tế số 31072020/HĐCT/PQ ngày 31/7/2020 ký kết giữa Công ty Đ và Công ty TNHH T4 (nay là Công ty T3) thì căn cứ Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 25/11/2020 ký giữa ông Bùi Quốc B, bà Nguyễn Thị Hồng P và bà Lê Thị Kim T1 thì Công ty T3 không chịu trách nhiệm, không có nghĩa vụ trả nợ đối với các khoản nợ có trước ngày bà T1 trở thành thành viên của Công ty T4, ông Bùi Quốc B và bà Nguyễn Thị Hồng P là người có trách nhiệm trả.

** Tại Bản tự khai ngày 17/10/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kim T1 trình bày:* Bà là người đại diện theo pháp luật của Công ty T4 từ ngày 27/11/2020, bà thống nhất ý kiến của ông T, ngoài ra không có yêu cầu khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Quốc B đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản ghi ý kiến gửi đến Tòa án, đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.*

** Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tại phiên tòa:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thẩm quyền, thời hạn chuẩn bị xét xử, xác minh thu thập chứng cứ, thời hạn tổng đạt các văn bản tố tụng, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, trình tự, thủ tục phiên tòa; nguyên đơn tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty

buộc Công ty T3 phải trả số tiền 120.948.090 đồng. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã tự nguyện rút. Hoàn trả cho nguyên đơn tạm ứng án phí đã nộp, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng kinh tế cho thuê cù L+ thi công đóng nhô nên Tòa án xác định lại quan hệ tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán hợp đồng cho thuê cù L và thi công đóng nhô*”. Căn cứ Điều 7 của các Hợp đồng kinh tế đã ký khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng người đại diện hợp pháp của bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Quốc B, bà Lê Thị Kim T1 vắng mặt tại phiên tòa (bà T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt). Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả nợ số tiền 120.948.090 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Lê Đức T thừa nhận việc ký kết hợp đồng, thừa nhận nợ và đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 120.948.090 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn phải trả nợ số tiền 120.948.090 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với dư nợ phát sinh của hợp đồng kinh tế số 31072020/HĐCT/PQ ngày 31/7/2020 được ký giữa nguyên đơn, bị đơn và toàn bộ yêu cầu tiền lãi, bị đơn không thừa nhận nợ, không đồng ý trả nợ, nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận;

[4] Về án phí: Công ty T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Công ty Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 74, khoản 1 Điều 85, Điều 87 của Luật Thương mại; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, 144, 147, 227, khoản 2 Điều 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Đ. Buộc Công ty TNHH T3 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Đ số tiền 120.948.090 đồng (*Một trăm hai mươi triệu, chín trăm bốn mươi tám nghìn không trăm chín mươi đồng*).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án dân sự cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi

hành án dân sự còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty TNHH T3 phải trả tổng số tiền là 574.080.405 đồng (*Năm trăm bảy mươi bốn triệu, không trăm tám mươi nghìn, bốn trăm lẻ năm đồng*)

4. Công ty TNHH T3 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 6.047.404 đồng (*Sáu triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm lẻ bốn đồng*).

Hoàn trả cho Công ty TNHH Đ 15.909.570 đồng (*Mười lăm triệu, chín trăm lẻ chín nghìn năm trăm bảy mươi đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003758 ngày 01/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Ly

